**Bài 29. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐÔNG NAM BỘ**

 I. KHÁI QUÁT

**1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**

****

- Diện tích vùng là 23,6 nghìn km2 (chiếm 7,1% DT cả nước, năm 2021).

- Đông Nam Bộ bao gồm:

 + Thành phố Hồ Chí Minh

 + 5 tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tiếp giáp:

+ Phía tây: nước láng giềng Cam-pu-chia,

+ Phía bắc: vùng Tây Nguyên, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung;

+ Phía nam: giáp vùng Đồng bằng sông Cửu Long,

+ Phía đông nam có vùng biển rộng với một số đảo, quần đảo, lớn nhất là quần đảo Côn Sơn.

- Đông Nam Bộ nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam(trừ Long An thuộc ĐBSCL), có tam giác tăng trưởng (TPHCM – ĐN-VT)

- Có Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế và là đầu mối giao thông lớn bậc nhất cả nước.

- Vị trí địa lí thuận lợi cho vùng phát triển kinh tế, đây mạnh liên kết kinh tế với các vùng kinh tế khác, mở rộng giao thương quốc tế.

2. Dân **số**

- Số dân của vùng là 18,3 triệu người, *(chiếm 18,6% số dân cả nước, năm 2021),*

- Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên thấp 0,98% *( TB cả nước 0,93%, năm 2021)* nhưng do gia tăng cơhọc (nhập cư) nên vùng có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất cả nước.

- Mật độ dân số của vùng cao 778 người/km2 *(TB cả nước 297 người)*, chỉ thấp hơn vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Tỉlệ dân thành thị là 66,4%, cao nhất cả nước *(TB cả nước 37,1%, năm 2021).*

- Thành phần dân cư: Các dân tộc sinh sống trong vùng là Kinh, Hoa, Khơ-me, Chăm,...

3. Số 1

- Dân nhập cư

- Tỉ lệ dân thành thị

- Nổi bật nhất nước ta về công nghệ cao

- Dầu khí

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của vùng *đứng đầu cả nước*

*- Cao su*

*- Vùng chuyên canh cây Cn lớn nhất cả nước*

*- Nhà máy thuỷ điện có CS lớn nhất: TRị An*

*- Tỉnh có sl thuỷ sản kt lớn nhất: BRVT*

*- Đầu mối GTVT lớn nhất: TPHCM*

II. CÁC THẾ MẠNH VÀ HẠN CHẾ ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

**1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

a) Thế mạnh

- Địa hình và đất:

+ ĐH: Có địa hình tương đối bằng phẳng*(Bán bình nguyên lượn sóng)* thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị,... (cư trú, sản xuất)

+ Đất: Đất *badan(và đất xám phù sa (đất xám bạc màu, nghèo dinh dưỡng nhưng thoát nước tốt, tơi xốp)* cổ chiếm khoảng 80% tổng diện tích tự nhiên của vùng-🡪thích hợp trồng cây công nghiệp, hình thành vùng chuyên canh quy mô lớn.

 → Ngoài ra, vùng còn có *đất phù sa* ở hạ lưu các sồng Đồng Nai, Vàm cỏ,...

- Khí hậu:+ Mang tính chất *cận xích đạo*, nền nhiệt cao, ít thay đổi trong năm,

 + P*hân hai mùa mưa - khô rõ rệt*

🡪thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới và các hoạt động kinh tế khác.

- Nguồn nước:

 + Hệ thống sông Sài Gòn, sông Bé,... có giá trị về *thuỷ lợi, phát triển giao thông vận tải*;

 + Sông Đồng Nai có giá trị lớn nhất về *thuỷ điện*.

 + Các hồ thuỷ điện, hồ thuỷ lợi lớn như hồ Dầu Tiếng, Phước Hoà,... cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

- Rừng:

 + Tuy diện tích và trữ lượng rừng của vùng *không lớn*, song có giá trị *cung cấp gỗ dân dụng, nguyên liệu giấy*.(nhà máy giấy Tân Mai – ĐN)

 + Hệ thống rừng của vùng có *giá trị bảo tồn* như: Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ

và các vườn quốc gia Nam Cát Tiên(ĐN), Bù Gia Mập(BP), Lò Gò - Xa Mát(TN), Côn Đảo (BRVT).

- Tài nguyên khoáng sản: Không nhiều, nhưng có giá trị lớn hơn là dầu mỏ vf khí tự nhiên ở thêm lục địa thuộc các bể trầm tích Cửu Long, Nam Côn Sơn. Ngoài ra còn có bôxit, các khoáng sản vật liệu xây dựng như sét, cao lanh….

- Biển: thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển.

 + Có *vùng biển giàu tiềm năng dầu khí, hải sản*;

 + Có một số *bãi tắm đẹp, cảnh quan đảo đặc sắc*,... du lịch

 + Có các vịnh cửa sông, vinh nước sâu: GTVT biển

b) Hạn chế

- *Mùa khô* kéo dài 4 đến 5 tháng, gây nên tình trạng *thiếu nước* cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt.

- Tác động của *biến đổi khí hậu, hiện tượng ngập úng* do triều cường, xâm nhập mặn ở vùng ven biển ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt trong vùng.

**2. Điều kiện kinh tế - xã hộì**

a) Thế mạnh

**-** Dân cư và lao động:

 + Số dân *đông*, tỉ suất *nhập cư thường cao*, người nhập cư đa phần trong độ tuổi lao động, tạo cho vùng có nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất.

 + Lao động *năng động* trong nền kinh tế thị trường, tỉ lệ đã *qua đào tạo cao hơn mức trung bình cả nước*, tạo khả năng nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế.

**-** Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kĩ thuật: phát triển *đồng bộ, hiện đại*, đặc biệt là giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

**-** Chính sách, đầu tư và khoa học - công nghệ:

 + Vùng có nhiều chính sách linh hoạt trong thu hút đầu tư.

 + Có số dự án và số vốn *đầu tư nước ngoài* luôn đứng đầu cả nước.

 + Việc ứng dụng, chuyển giao *khoa học - công nghệ* được đẩy mạnh.

**-** Có Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hoá, giáo dục - đào tạo,... lớn hàng đầu cả nước, có sức lan toả, thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng.

b) Hạn chế

- Việc *nhập cư* tập trung vào các đô thị lớn của vùng làm nảy sinh một số khó khăn về *việc làm, nhà ở, các vấn đê' xã hội khác và môi trường*,...

III. PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ

(GDP là chỉ số tổng sản phẩm được tính cho một quốc gia. Còn GRDP là chỉ số tổng sản phẩm được tính cho một khu vực, thành phố hay một tỉnh nhất định. Phạm vi tính của GRDP là nhỏ hơn so với phạm vi tính của GDP.)

Quy mô GRDP của vùng Đông Nam Bộ tăng liên tục, năm 2021 chiếm hơn 30% GDP cả nước.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Bảng 29.1. Cơ CẤU GRDP VÙNG ĐÔNG NAM BỘ NĂM 2010 VÀ NĂM 2021

(Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm/Cơ cấu GRDP** | **2010** | **2021** |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | 4,8 | 4,7 |
| Công nghiệp và xây dựng | 46,0 | 42,6 |
| - Trong đó: Công nghiệp | 42,0 | 37,9 |
| Dịch vụ | 38,5 | 42,2 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 10,7 | 10,5 |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

**1. Công nghiệp**

\* Vị trí: Khu vực công nghiệp và xây dựng *chiếm tỉ trọng cao* trong cơ cấu GRDP của vùng(năm 2021) đứng thứ 2 sau ĐBSH

 \* XU hướng:

 + Giảm *tỉ trọng* nhóm ngành công nghiệp *khai khoáng*

 + Tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp *chế biến, chế tạo*

 + Hai nhóm ngành còn lại chiếm tỉ trọng không đáng kể.

\* Cơ cấu ngành *rất đa dạng*:

- Công nghiệp khai thác và chế biến dầu, khí:

 + Là ngành công nghiệp *mũi nhọn của vùng*

 + Sản lượng khai thác dầu khí của vùng chiếm ưu thế sản lượng của cả nước,

 →Ý nghĩa: cung cấp *nhiên liệu* cho các nhà máy lọc dầu, nhiệt điện trong nước và *xuất khẩu*, làm thay đổi bộ mặt kinh tế của ĐNB

 + Khí tự nhiên ở Đông Nam Bộ cung cấp nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện và sx phân đạm được khai thác từ hai nguồn:

 →Khí đồng hành từ khai thác các mỏ dầu (mỏ dầu có khí)

 →Khí tự nhiên từ các mỏ Lan Tây, Lan Đỏ,... (mỏ chỉ có khí)

- Công nghiệp sản xuất điện

+ Cơ cấu gồm: nhiệt điện, thuỷ điện và điện từ năng lượng tái tạo khác.

+ Các nhà máy *nhiệt điện* lớn ở Đông Nam Bộ chủ yếu được chạy bằng nhiên liệu khí,

 + Các nhà máy *thuỷ điện* được xây dựng trong vùng gồm: Trị An, Thác Mơ và Cần Đơn

 + Các nguồn năng lượng *tái tạo* khác đang được chú ý phát triển, nhất là năng lượng mặt trời.

- Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính phát triển mạnh (*nhờ thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tập trung ở các trung tâm có vị trí thuận lợi cho xuất khẩu).*

*-* Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và công nghiệp sản xuất đồ uống được phát triển ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong vùng, *(do những lợi thế về nguồn nguyên liệu (cả nội vùng và từ các vùng lân cận), lao động và thị trường).*

*-* Công nghiệp dệt, sản xuất trang phục; công nghiệp sản xuất giày dép là những ngành được phát triển từ lâu (*dựa trên cơ sở nguồn lao động dồi dào, thị trường).*

🡪 Việc phát triển công nghiệp của vùng đòi hỏi:

\*Tăng cường cải thiện & phát triển nguồn năng lượng: Xây dựng các nhà máy thuỷ điện, ,đường dây 500 kv, phát triển các nhà máy điện tuốc-bin khí, phát triển các nhà máy điện chạy bằng dầu.

\* Nâng cao, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nhất là GTVT-TTLL.

\* Mở rộng hợp tác đầu tư nước ngoài, chú trọng các ngành trọng điểm, công nghệ cao, đặc biệt ngành hóa dầu trong tương lai.

 2. Dịch vụ:

- Dẫn đầu cả nước về tăng trưởng nhanh & chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của vùng.

- Hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng: thương mại, ngân hàng, hàng hải, viễn thông (đi đầu trong chuyển đổi số, đầu tư vào công nghệ cao. ), du lịch (Các loại hình du lịch nổi bật trong vùng là *du lịch đô thị, du lịch sinh thái*…)....

🡪 Cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

**3. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản**

***a) Nông nghiệp***

\* Trồng trọt:

- Cây công nghiệp:

+ Là vùng chuyên canh *hàng đầu* của cả nước, có mức *độ tập trung ho*á sản xuất và *trình độ thâm canh cao(đúng đầu cả nước)*.

+ Các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu của vùng là cao su t1, điều và hồ tiêu đứng thứ 2

+ Vùng phát triển một số cây công nghiệp hàng năm như mía, lạc, tập trung ở tình Tây Ninh.

- Cây ăn quả: Được mở rộng về diện tích, Đồng Nai là tỉnh trổng tập trung nhiều loại cây ăn quả, chiếm hơn 50% tổng diện tích cây ăn quả của vùng.

\* Chăn nuôi:

- Hướng PT: Đang phát triển theo *hướng công nghiệp(SX hàng hóa, tập trung qui mô lớn), quy trình khép kín và ứng dụng công nghệ cao* với quy mô lớn.(giúp nâng cao NS, chất lượng, giá trị)

***b) Lâm nghiệp:*** Vốn rừng ít nhưng cần được bảo vệ nhất là ở vùng thượng lưu các con sông để giữ nguồn nước ngầm, môi trường sinh thái: khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, vườn quốc gia Nam Cát Tiên.

***c) Thuỷ sản:***

- Tổng sản lượng thuỷ sản của vùng chiếm gần 6% cả nước, chủ yếu là lĩnh vực khai thác (chiếm 72,2% tổng sản lượng\_ năm 2021), tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu chiếm tới 93,8% sản lượng thuỷ sản khai thác toàn vùng.

- Nuôi trồng thuỷ sản tập trung chủ yếu ở Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh.

🡪 **HƯỚNG PT NÔNG LÂM THUỶ SẢN:**

**-Thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu** ( giải quyết nước tưới => tăng diện tích đất trồng trọt, tăng hệ số sử dụng đất**)**

**-Thay đổi cơ cấu cây trồng** ( giống cao su năng suất cao + công nghệ mới)

- Bảo vệ vốn rừng => tránh mất nước hồ chứa, giữ mực nước ngầm.

IV. VẤN ĐỂ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**1. Phát triển kinh tê - xã hội với bảo vệ môi trường**

-Tiêu cực: Phát triển kinh tế trong vùng đặt ra *nhiều thách thức* đến vấn đề bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững như:

+ Sự phát triển công nghiệp tập trung dẫn đến gia *tăng tình trạng ô nhiễm môi trường* không khí, đất, nước, biển;

+ Phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm cũng *tác động xấu tới môi trường* đất, nước,...

- Tích cực:

+ Phát triển kinh tế theo *hướng bền vững* sẽ tác động tích cực và góp phần *bảo vệ môi trường bền vững*.

+ Kinh tế phát triển *tạo nguồn đầu tư,* tăng cường cơ sở vật chất, thực hiện các dự án bảo vệ, cải tạo môi trường.

**2. Bảo vệ môi trường với phát triển kinh tê - xã hội**

Bảo vệ môi trường *góp phần phát triển kinh tế bền vững*, tạo thuận lợi cho các hoạt động sinh hoạt của dân cư theo hướng văn minh.

- Việc bảo vệ môi trường giúp các hoạt động kinh tế, đặc biệt các ngành công nghiệp, dịch vụ (nhất là với ngành du lịch) *duy trì hoạt động(diễn ra bình thường) và mang lại hiệu quả cao.* Đồng thời, tạo môi trường *trong lành* cho các hoạt động xã hội, nhất là trong các đô thị lớn của vùng như Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hoà,...

- Việc giải quyết các vấn đề về *quá tải hạ tầng, tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm* *ở các đô thị lớn* sẽ giúp các hoạt động kinh tế - xã hội được *đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống* dân cư được nâng cao,...

- Bảo vệ *môi trường biển*, triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tạo thuận lợi cho việc *phát triển tổng hợp kinh tế biển* của vùng.

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**1. Nhận biết**

**Câu 1.** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

**A.** Cao su. **B.** Cà phê. **C.** Dừa. **D.** Chè.

**Câu 2. Địa điểm du lịch nào sau đây thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu?**

**A.** Dầu Tiếng. **B.** Mộc Bài. **C.** Núi Bà Đen. **D.** Côn Đảo.

**Câu 3.** Công trình thủy lợi Dầu Tiếng thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Bình Dương. **B.** Bình Phước. **C.** Tây Ninh. **D.** Đồng Nai.

**Câu 4.** Công trình thủy lợi Dầu Tiếng được xây dựng trên sông nào sau đây?

**A.** Đồng Nai. **B.** Sài Gòn. **C.** Bé. **D.** La Ngà.

**Câu 5.** Nhà máy thuỷ điện Trị An được xây dựng trên sông nào sau đây?

**A.** Đồng Nai. **B.** Sài Gòn. **C.** Bé. **D.** Sê San.

**Câu 6. Tỉnh/thành phố nào sau đây có sản lượng khai thác hải sản lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ?**

**A.** Bà Rịa - Vũng Tàu. **B.** Thành phố Hồ Chí Minh.

**C.** Đồng Nai. **D.** Bình Dương.

**Câu 7. Trung tâm du lịch nào sau đây ở Đông Nam Bộ là trung tâm du lịch quốc gia?**

**A.** Tây Ninh. **B.** Thành phố Hồ Chí Minh.

**C.** Vũng Tàu. **D.** Biên Hoà.

**Câu 8. Thế mạnh nông nghiệp của Đông Nam Bộ là**

**A.** cây công nghiệp lâu năm, lúa gạo và chăn nuôi.

**B.** cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và chăn nuôi.

**C.** cây lúa gạo, cây công nghiệp hàng năm, chăn nuôi.

**D.** cây lương thực, cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi.

**Câu 9.** Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất Đông Nam Bộ?

**A.** Thác Mơ. **B.** Cần Đơn. **C.** Trị An. **D.** Bà Rịa.

**Câu 10.** Vùng Đông Nam Bộ có bao nhiêu tỉnh/thành phố?

**A.** 5. **B.** 6. **C.** 8. **D.** 13.

**Câu 11. Địa điểm du lịch nào sau đây ở Thành phố Hồ Chí Minh?**

**A.** Cần Giờ. **B.** Mộc Bài. **C.** Biển Long Hải. **D.** Núi Bà Đen.

**Câu 12. Phát biểu nào sau đây không đúng với sản xuất cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ?**

**A.** Là vùng có diện tích lớn ở nước ta. **B.** Cao su, điều, hồ tiêu là cây chủ lực.

**C.** Phát triển nhiều vùng chuyên canh. **D.** Hầu hết sản phẩm dùng trong nước.

**Câu 13. Dịch vụ ở Đông Nam Bộ hiện nay**

**A.** phát triển đa dạng. **B.** chỉ có ở ven biển.

**C.** chưa được đầu tư. **D.** có tỉ trọng rất thấp.

**Câu 14. Đầu mối giao thông vận tải lớn nhất Đông Nam Bộ là**

**A.** Biên Hoà. **B.** Thuận An.

**C.** Thành phố Hồ Chí Minh. **D.** Vũng Tàu.

**Câu 15.** Đông Nam Bộ không giáp với vùng nào sau đây?

**A.** Tây Nguyên. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 16.** Nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Bé?

**A.** Đa Nhim. **B.** Cần Đơn. **C.** Trị An. **D.** Yaly.

**Câu 17. Ngành thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của Đông Nam Bộ là**

**A.** dầu khí. **B.** thuỷ sản. **C.** lâm nghiệp. **D.** du lịch.

**Câu 18. Để phát triển bền vững công nghiệp ở Đông Nam Bộ cần quan tâm đến vấn đề**

**A.** môi trường. **B.** nguyên liệu. **C.** nhiên liệu. **D.** lao động.

**Câu 19. Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu trong sử dụng đất trồng ở Đông Nam Bộ là**

**A.** thay đổi cơ cấu sử dụng đất hợp lí. **B.** phát triển mạnh công trình thuỷ lợi.

**C.** khai hoang mở rộng thêm diện tích. **D.** tăng cường nâng cao độ phì của đất.

**Câu 20.** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là hai vùng kinh tế có thế mạnh tương đồng về

**A.** khai thác tài nguyên khoáng sản. **B.** phát triển chăn nuôi gia súc.

**C.** trồng cây công nghiệp lâu năm. **D.** khai thác gỗ và lâm sản.

**Câu 21. Đâu không phải là thế mạnh nổi bật của Đông Nam Bộ?**

**A.** Phát triển sản xuất lương thực. **B.** Trồng các loại cây công nghiệp.

**C.** Khai thác dầu khí quy mô lớn. **D.** xây dựng nhà máy thuỷ điện.

**Câu 22. Phát biểu nào sau đây không đúng với phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ?**

**A.** Đứng hàng đầu cả nước, giá trị sản xuất liên tục tăng.

**B.** Cơ cấu đa dạng, có nhiều khu công nghiệp, chế xuất.

**C.** Đã hình thành các ngành mới, sử dụng công nghệ cao.

**D.** Tỉnh/thành phố nào cũng có trung tâm sản xuất lớn.

**Câu 23. Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành tài chính ngân hàng ở Đông Nam Bộ?**

**A.** Là vùng có dịch vụ tài chính ngân hàng phát triển.

**B.** Chú trọng phát triển dịch vụ giao dịch số, điện tử.

**C.** Ứng dụng rộng các nền tảng công nghệ hiện đại.

**D.** Trung tâm tài chính lớn nhất vùng là Bình Dương.

**Câu 24. Phát biểu nào sau đây đúng với Đông Nam Bộ?**

**A.** Các vùng đất badan và đất xám phù sa cổ rộng lớn.

**B.** Các cao nguyên badan xếp tầng ở độ cao khác nhau.

**C.** Sản xuất theo kiểu quảng canh và đầu tư ít lao động.

**D.** Nông nghiệp sử dụng nhiều lao động, ít thâm canh.

**Câu 25. Thế mạnh chủ yếu để phát triển du lịch biển ở Đông Nam Bộ là**

**A.** các cửa sông rộng. **B.** bãi biển đẹp và ấm.

**C.** có giàn khoan dầu. **D.** thềm lục địa nông.

**Câu 26. Thế mạnh chủ yếu để phát triển cây công nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Bộ là**

**A.** có nhiều loại đất. **B.** khí hậu nóng ẩm.

**C.** nhiều sông suối. **D.** địa hình thấp.

**Câu 27.** Tài nguyên khoáng sản nổi bật của vùng Đông Nam Bộ là

**A.** cao lanh, đá vôi. **B.** đất sét, đá vôi. **C.** dầu, khí đốt. **D.** bô xít, dầu.

**2. Thông hiểu**

**Câu 1.** Đặc điểm nổi bật của lao động nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là có

**A.** khả năng thích ứng nhanh với cơ chế thị trường.

**B.** trình độ cao trong khai thác, chế biến thủy hải sản.

**C.** kinh nghiệm trong đấu tranh, chinh phục tự nhiên.

**D.** trình độ thâm canh cây lương thực cao nhất cả nước.

**Câu 2.** Vai trò quan trọng nhất của công trình thủy lợi hồ Dầu Tiếng ở Đông Nam Bộ là

**A.** đảm bảo cân bằng cho hệ sinh thái nông nghiệp.

**B.** phát triển nuôi trồng thủy sản và ngành du lịch.

**C.** cung cấp nước tưới cho các vùng chuyên canh.

**D.** tiêu nước cho thượng nguồn sông Đồng Nai.

**Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng với hoạt động lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ?**

**A.** Tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thuỷ sản.

**B.** Bao gồm khai thác gỗ và lâm sản, trồng rừng và chăm sóc rừng.

**C.** Sản lượng khai thác gỗ rất lớn, giá trị xuất khẩu cao nhất cả nước.

**D.** Chỉ tập trung vào việc trồng rừng ngập mặn ở các vùng ven biển.

**Câu 4.** Nhân tố nào là quan trọng nhất giúp Đông Nam Bộ có vị trí hàng đầu trong sự phát triển kinh tế của nước ta?

**A.** Có vị trí địa lí đặc biệt quan trọng ở phía Nam.

**B.** Có sự tích tụ lớn về vốn, kĩ thuật, nguồn lao động.

**C.** Có cơ sở hạ tầng giao thông vận tải tương đối tốt.

**D.** Có thị trường tiêu thụ rộng lớn nhất của cả nước.

**Câu 5. Phát biểu nào sau đây không đúng với sản xuất cây ăn quả ở Đông Nam Bộ?**

**A.** Là một trong những vùng trồng cây ăn quả lớn của cả nước.

**B.** Có diện tích cây ăn quả lớn, chủ yếu là các cây cận nhiệt đới.

**C.** Ứng dụng nhiều thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất.

**D.** Được trồng tập trung với những giống mới có năng suất cao.

**Câu 6. Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành chăn nuôi ở Đông Nam Bộ?**

**A.** Phát triển khá nhanh theo hướng trang trại tập trung quy mô lớn.

**B.** Số lượng đàn trâu bò tăng nhanh, chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước.

**C.** Áp dụng các quy trình công nghệ chăn nuôi và chế biến hiện đại.

**D.** Sử dụng các giống vật nuôi mới cho năng suất và chất lượng cao.

**Câu 7. Phương hướng chủ yếu để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là**

**A.** tăng cường công tác thủy lợi. **B.** thay đổi lại cơ cấu cây trồng.

**C.** đa dạng hóa cơ cấu cây trồng. **D.** bảo vệ rừng ở nơi đầu nguồn.

**Câu 8.** Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

**A.** bảo tồn sự đa dạng sinh học. **B.** có giá trị du lịch sinh thái cao.

**C.** bảo tồn những di tích lịch sử. **D.** diện tích nuôi trồng thủy sản.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Nguồn nhập cư lớn, lao động đông. **B.** Cơ cấu kinh tế tiến bộ nhất cả nước.

**C.** Nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển. **D.** giá trị sản xuất nông nghiệp lớn nhất.

**Câu 10. Các ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Bộ phát triển dựa trên lợi thế về tài nguyên và lao động?**

**A.** Khai thác dầu thô và khí tự nhiên, dệt, may và giày, dép.

**B.** Sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống; sản xuất máy vi tính.

**C.** Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm.

**D.** Cơ khí ô tô, dệt, may và giày, dép; sản xuất sản phẩm điện tử.

**Câu 11. Thế mạnh chủ yếu về điều kiện kinh tế - xã hội của Đông Nam Bộ không phải là**

**A.** dân số đông, nguồn lao động dồi dào, có nhiều lao động trẻ.

**B.** lao động có trình độ và chuyên môn đào tạo chiếm tỉ lệ cao.

**C.** có cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật đồng bộ, hiện đại.

**D.** tỉ lệ dân nhập cư cao, có truyền thống sản xuất nông nghiệp.

**Câu 12.** Lợi thế hơn hẳn của Đông Nam Bộ so với Duyên hải Nam Trung Bộ trong phát triển tổng hợp kinh tế biển là

**A.** dịch vụ hàng hải. **B.** tài nguyên dầu khí.

**C.** nguồn lợi thủy hải sản. **D.** tài nguyên du lịch biển.

**Câu 13.** Trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Bộ, ngoài thuỷ lợi thì biện pháp quan trọng tiếp theo là

**A.** áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất. **B.** nâng cao trình độ của người lao động.

**C.** tăng cường sử dụng phân bón, thuốc thực vật. **D.** thay đổi cơ cấu giống, loại cây trồng.

**Câu 14.** Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

**A.** tăng cường nâng cấp cơ sở vật chất kĩ thuật, vốn.

**B.** phát triển theo chiều sâu gắn với bảo vệ môi trường.

**C.** quy hoạch các khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

**D.** phát huy thế mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.

**Câu 15.** Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển nhất cả nước không phải là do

**A.** vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên thuận lợi.

**B.** chính sách phát triển phù hợp, thu hút đầu tư.

**C.** dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư nước ngoài.

**D.** lao động lành nghề, cơ sở vật chất hiện đại.

**Câu 16.** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Đông Nam Bộ là

**A.** ít khoáng sản. **B.** đất đai kém màu mỡ.

**C.** ít tài nguyên rừng. **D.** mùa khô kéo dài sâu sắc.

**Câu 17. Đông Nam Bộ là vùng có**

**A.** quy mô dân số đứng đầu cả nước, nguồn lao động đông đảo.

**B.** tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao hơn gia tăng dân số cơ học.

**C.** mật độ dân số còn thấp, tỉ lệ dân thành thị cao nhất cả nước.

**D.** nhiều dân tộc cùng chung sống, nguồn lao động đông đảo.

**Câu 18. Thế mạnh ở Đông Nam Bộ đối với khai thác thuỷ sản là**

**A.** thềm lục địa rộng lớn với trữ lượng lớn dầu mỏ, khí tự nhiên.

**B.** biển rộng, giàu nguồn lợi sinh vật, gần với các ngư trường lớn.

**C.** biển ấm, có nhiều bãi tắm và phong cảnh thiên nhiên hấp dẫn.

**D.** vùng biển rộng, bờ biển có các vũng biển và có cửa sông sâu.

**Câu 19. Các ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Bộ là ngành mới, sử dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn và thân thiện với môi trường?**

**A.** Khai thác dầu thô và khí tự nhiên; dệt, may và giày, dép.

**B.** Sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống; sản xuất máy vi tính.

**C.** Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm.

**D.** Cơ khí ô tô, dệt, may và giày, dép; sản xuất sản phẩm điện tử.

**Câu 20.** Đông Nam Bộ đứng hàng đầu cả nước về tổng sản phẩm trong nước, giá trị sản xuất công nghiệp và giá trị xuất khẩu là do

**A.** có vị trí địa lí thuận lợi. **B.** nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng.

**C.** thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. **D.** khai thác hiệu quả các lợi thế của vùng.

**Câu 21. Hoạt động ngoại thương của Đông Nam Bộ**

**A.** phát triển mạnh, tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu lớn.

**B.** các mặt hàng nhập khẩu chính là dầu thô, nông sản, điện.

**C.** ứng dụng nhiều công nghệ mới trong quản lý, vận hành.

**D.** có quan hệ xuất, nhập khẩu với tất cả các nước thế giới.

**Câu 22. Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành thuỷ sản ở Đông Nam Bộ?**

**A.** Là ngành kinh tế quan trọng, sản lượng tăng nhanh.

**B.** Áp dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào đánh bắt.

**C.** Nâng cấp đội tàu khai thác, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

**D.** Nuôi trồng thuỷ sản có sản lượng lớn hơn khai thác.

**Câu 23. Phát biểu nào sau đây không đúng về hướng phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường ở Đông Nam Bộ?**

**A.** Phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều tài nguyên.

**B.** Thực hiện tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**C.** Khai thác lãnh thổ với mô hình tăng trưởng theo chiều sâu.

**D.** Cơ cấu lại nền kinh tế dựa vào công nghệ và chuyển đổi số.

**Câu 24.** Khó khăn lớn nhất của Đông Nam Bộ trong phát triển nông nghiệp là

**A.** diện tích đất canh tác không lớn. **B.** mùa khô sâu sắc, thiếu nước ngọt.

**C.** cơ sở vật chất, kĩ thuật kém phát triển. **D.** chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

**Câu 25. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng Đông Nam Bộ?**

**A.** tiếp giáp với Cam-pu-chia, Biển Đông, Đồng bằng sông Cửu Long.

**B.** có vùng biển và thềm lục địa rộng lớn, các đảo và quần đảo gần bờ.

**C.** có Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị lớn nhất của vùng và cả nước.

**D.** kinh tế phát triển còn chậm và gặp nhiều khó khăn trong đầu tư.

**Câu 26. Thế mạnh ở Đông Nam Bộ đối với khai thác khoáng sản là**

**A.** thềm lục địa rộng lớn với trữ lượng lớn dầu mỏ, khí tự nhiên.

**B.** biển rộng, giàu nguồn lợi sinh vật, gần với các ngư trường lớn.

**C.** biển ấm, có nhiều bãi tắm và phong cảnh thiên nhiên hấp dẫn.

**D.** vùng biển rộng, bờ biển có các vũng biển và có cửa sông sâu.

**Câu 27. Thế mạnh chủ yếu ở Đông Nam Bộ đối với du lịch biển đảo là**

**A.** thềm lục địa rộng lớn với trữ lượng lớn dầu mỏ, khí tự nhiên.

**B.** biển rộng, giàu nguồn lợi sinh vật, gần với các ngư trường lớn.

**C.** biển ấm, có nhiều bãi tắm và phong cảnh thiên nhiên hấp dẫn.

**D.** vùng biển rộng, bờ biển có các vũng biển và có cửa sông sâu.

**Câu 28. Thế mạnh ở Đông Nam Bộ đối với giao thông biển là**

**A.** thềm lục địa rộng lớn và nông, gần các tuyến đường quốc tế.

**B.** biển rộng, giàu nguồn lợi sinh vật, gần với các ngư trường lớn.

**C.** biển ấm, có nhiều bãi tắm và phong cảnh thiên nhiên hấp dẫn.

**D.** vùng biển rộng, bờ biển có các vũng biển và có cửa sông sâu.

**Câu 29. Phát biểu nào sau đây không đúng với hoạt động nội thương của Đông Nam Bộ?**

**A.** dân số đông nên nhu cầu tiêu thụ lớn, hàng hóa chủ yếu là các nông sản.

**B.** có tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhanh.

**C.** có số lượng các cơ sở siêu thị và trung tâm thương mại ngày càng nhiều.

**D.** phục vụ ngày càng có hiệu quả nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của dân cư.

**Câu 30.** Đông Nam Bộ có nguồn lao động chất lượng cao không phải vì

**A.** là vùngdân cư tập trung đông đúc nhất.

**B.** có sức hút lao động từ các vùng khác.

**C.** cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng tốt.

**D.** có nền kinh tế phát triển năng động.

**Câu 31. Thuận lợi chủ yếu ở Đông Nam Bộ để phát triển các vùng chuyên canh cây ăn quả là**

**A.** địa hình tương đối bằng phẳng, đất ba dan và đất xám phù sa cổ rộng.

**B.** khí hậu cận Xích đạo với nền nhiệt cao, lượng mưa lớn, hai mùa rõ rệt.

**C.** có các hệ thống sông hồ, có nguồn nước nóng và nước khoáng dồi dào.

**D.** tài nguyên rừng giàu có, phần lớn là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

**Câu 32. Thuận lợi chủ yếu ở Đông Nam Bộ để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới là**

**A.** địa hình tương đối bằng phẳng, đất ba dan và đất xám phù sa cổ rộng.

**B.** khí hậu cận Xích đạo với nền nhiệt cao, lượng mưa lớn, hai mùa rõ rệt.

**C.** có các hệ thống sông hồ, có nguồn nước và tài nguyên sinh vật dồi dào.

**D.** tài nguyên rừng giàu có, phần lớn là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

**Câu 33.** Nhân tố nào sau đây là quan trọng nhất giúp Đông Nam Bộ sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên trong phát triển kinh tế?

**A.** Cơ sở vật chất kĩ thuật đồng bộ. **B.** Chính sách phát triển phù hợp.

**C.** Kinh tế hàng hóa sớm phát triển. **D.** Nguồn lao động lành nghề đông.

**Câu 34. Thuận lợi chủ yếu ở Đông Nam Bộ để phát triển thuỷ điện là**

**A.** địa hình tương đối bằng phẳng, hệ thống sông với lưu lượng nước lớn.

**B.** khí hậu cận Xích đạo với nền nhiệt cao, lượng mưa lớn, hai mùa rõ rệt.

**C.** có các hệ thống sông với lưu lượng nước lớn, sông có nhiều thác ghềnh.

**D.** tài nguyên rừng giàu có, khí hậu cận Xích đạo với nền nhiệt cao, ẩm lớn.

**Câu 35.** Đông Nam Bộ trở thành vùng đứng hàng đầu cả nước về hoạt động công nghiệp chủ yếu nhờ

**A.** nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu có.

**B.** mức độ tập trung công nghiệp cao nhất.

**C.** khai thác hiệu quả các thế mạnh vốn có.

**D.** nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao.

**Câu 36.** Ngành nào sau đây của Đông Nam Bộ có nguy cơ bị ảnh hưởng lớn nhất khi công nghiệp dầu khí phát triển mạnh?

**A.** Du lịch biển. **B.** Vận tải biển.

**C.** Dịch vụ dầu khí. **D.** Chế biến hải sản.

**Câu 37** Thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển ở Đông Nam Bộ là

**A.** giàu dầu khí, có các cửa sông lớn. **B.** biển ấm, có rừng ngập mặn rộng.

**C.** bờ biển dài, có nhiều ngư trường. **D.** biển rộng, gần đường biển quốc tế.

**Câu 38.** Đông Nam Bộ thích hợp để xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp với quy mô lớn chủ yếu là do có

**A.** địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai phân bố thành vùng lớn.

**B.** diện tích đất xám lớn, địa hình phân hóa đa dạng, mưa theo mùa.

**C.** nguồn nước khá phong phú, khí hậu nóng quanh năm và ít có bão.

**D.** đất feralit trên đá badan khá màu mở, khí hậu cận xích đạo rõ rệt.

**Câu 39.** Nguyên nhân chính làm cho mật độ dân số trung bình của Đông Nam Bộ tăng nhanh trong thời gian gần đây là do

**A.** số người nhập cư tăng nhanh. **B.** gia tăng dân số tự nhiên cao.

**C.** cơ sở hạ tầng phát triển nhanh. **D.** điều kiện tự nhiên rất thuận lợi.

**3. Vận dụng**

**Câu 1.** Cơ sở năng lượng của vùng Đông Nam Bộ từng bước được giải quyết nhờ vào

**A.** phát triển nguồn điện và mạng lưới điện.

**B.** nhập khẩu nguồn điện từ Cam-pu-chia.

**C.** phát triển nguồn điện từ gió, thủy triều.

**D.** phát triển nguồn điện chủ yếu từ than.

**Câu 2. Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho hoạt động giao thông vận tải ở Đông Nam Bộ phát triển mạnh?**

**A.** Đầu tư từ nước ngoài tăng, hàng hoá phong phú.

**B.** Tăng trưởng kinh tế nhanh, mức sống nâng cao.

**C.** Dân cư đông đúc, người lao động nhập cư nhiều.

**D.** Sản xuất công nghiệp phát triển, dịch vụ đa dạng.

**Câu 3. Mục đích chủ yếu phát triển du lịch biển đảo ở Đông Nam Bộ là**

**A.** giải quyết việc làm, phân bố lại dân cư, tạo ra các cảnh quan mới.

**B.** nâng mức sống, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát huy thế mạnh.

**C.** thu hút đầu tư, nâng vai trò của vùng, chuyển dịch cơ cấu sản xuất.

**D.** sử dụng hợp lí tự nhiên, đẩy mạnh sản xuất, tạo sản phẩm đa dạng.

**Câu 4. Những nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho các ngành công nghệ cao phát triển ở Đông Nam Bộ?**

**A.** Chính sách hợp lí, lao động chuyên môn cao, nguồn đầu tư lớn.

**B.** Nguyên liệu phong phú, cơ sở kĩ thuật tốt, năng lượng đảm bảo.

**C.** Thị trường được mở rộng, nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển.

**D.** Cơ sở hạ tầng hoàn thiện, thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài.

**Câu 5. Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho kinh tế biển ở Đông Nam Bộ phát triển mạnh?**

**A.** Liên doanh nước ngoài, nguồn lao động chất lượng cao.

**B.** Tự nhiên thuận lợi, nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển.

**C.** Tài nguyên giàu có, lao động dồi dào, nguồn đầu tư lớn.

**D.** Cơ sở hạ tầng phát triển, dân cư đông, giàu tài nguyên.

**Câu 6. Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho dịch vụ ở Đông Nam Bộ tăng trưởng nhanh?**

**A.** Sản xuất phát triển, mức sống nâng cao, đô thị mở rộng.

**B.** Lao động có chuyên môn cao, nhập cư nhiều, dân đông.

**C.** Đầu tư nước ngoài tăng, chất lượng cuộc sống nâng cao.

**D.** Nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển, cơ sở hạ tầng tốt.

**Câu 7.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các ngành kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là

**A.** khai thác thế mạnh, nâng cao chất lượng cuộc sống.

**B.** thúc đẩy các ngành kinh tế khác, giải quyết việc làm.

**C.** thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, sự phân hóa lãnh thổ.

**D.** tăng khả năng thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

**Câu 8.** Nguồn điện cung cấp năng lượng chủ yếu nhất cho vùng Đông Nam Bộ hiện nay là

**A.** các nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu.

**B.** các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than.

**C.** các nhà máy thủy điện trên sông Đồng Nai.

**D.** các nhà máy nhiệt điện tuốc bin khí.

**Câu 9. Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho Đông Nam Bộ khai thác có hiệu quả thế mạnh về biển?**

**A.** Thu hút các nguồn đầu tư, đổi mới chính sách, mở rộng thị trường.

**B.** Tập trung hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.

**C.** Nâng cao nhận thức cho người dân, đào tạo và hỗ trợ về việc làm.

**D.** Phân bố lại dân cư, lao động ven biển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 10.** Giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

**A.** tiến hành cải tạo đất đai, mở rộng diện tích canh tác.

**B.** mở rộng diện tích canh tác, xây dựng công trình thủy lợi.

**C.** xây dựng công trình thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.

**D.** thay đổi cơ cấu cây trồng, tiến hành cải tạo đất đai.

**Câu 11. Thuận lợi chủ yếu ở Đông Nam Bộ để phát triển du lịch nghỉ dưỡng là**

**A.** địa hình tương đối bằng phẳng, đất ba dan và đất xám phù sa cổ rộng.

**B.** khí hậu cận Xích đạo với nền nhiệt cao, lượng mưa lớn, hai mùa rõ rệt.

**C.** có nhiều cảnh quan đẹp, có nguồn nước nóng và nước khoáng dồi dào.

**D.** tài nguyên rừng giàu có, phần lớn là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

**Câu 12. Đông Nam Bộ có nguồn cung cấp nước dồi dào là do**

**A.** địa hình tương đối bằng phẳng, đất ba-dan và đất xám phù sa cổ rộng.

**B.** khí hậu cận Xích đạo với nền nhiệt cao, lượng mưa lớn, hai mùa rõ rệt.

**C.** có các hệ thống sông hồ, lượng mưa lớn và nguồn nước ngầm dồi dào.

**D.** địa hình tương đối bằng phẳng, tài nguyên rừng giàu có, lượng mưa lớn.

**Câu 13. Điều kiện có ý nghĩa lớn trong việc đảm bảo môi trường sinh thái ở Đông Nam Bộ là**

**A.** địa hình tương đối bằng phẳng, diện tích rừng ngập mặn lớn và tăng.

**B.** khí hậu cận Xích đạo với nền nhiệt cao, lượng mưa lớn, hai mùa rõ rệt.

**C.** có các lưu vực hệ thống sông thuộc vào nhiều dạng địa hình khác nhau.

**D.** tài nguyên rừng giàu có, phần lớn là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

**Câu 14.** Ý nghĩa quan trọng nhất của hệ sinh thái rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

**A.** để cung cấp lượng gỗ củi cho người dân.

**B.** để tham quan du lịch, bảo tồn các di tích.

**C.** bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

**D.** cung cấp diện tích cho việc nuôi thủy sản.

**Câu 15.** Hoạt động kinh tế biển nào sau đây ở Đông Nam Bộ thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của vùng?

**A.** Giao thông vận tải. **B.** Khai thác sinh vật.

**C.** Khai thác khoáng sản. **D.** Du lịch biển - đảo.

**Câu 16. Điều kiện có ý nghĩa lớn trong việc phát triển du lịch ở Đông Nam Bộ là**

**A.** mạng lưới sông ngòi và hồ dày đặc, địa hình tương đối bằng phẳng.

**B.** diện tích rừng ngập mặn lớn, đa dạng; lượng mưa lớn, hai mùa rõ rệt.

**C.** có các lưu vực hệ thống sông thuộc vào nhiều dạng địa hình khác nhau.

**D.** tài nguyên rừng giàu có, phần lớn là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

**Câu 17.** Hệ số sử dụng đất ở vùng Đông Nam Bộ tăng lên chủ yếu là do

**A.** sử dụng nước tưới từ công trình thủy lợi.

**B.** lượng mưa lớn trong năm, mùa khô ngắn.

**C.** cải tạo được đất, sử dụng phần hóa học.

**D.** diện tích rừng tăng lên, có nhiều sông lớn.

**Câu 18.** Đông Nam Bộ là vùng có diện tích trồng cây công nghiệp lớn nhất so với các vùng khác trong cả nước chủ yếu là do

**A.** khí hậu mang tính chất cận xích đạo, nguồn nước tưới lớn, sinh vật đa dạng.

**B.** địa hình khá bằng phẳng, đất thuận lợi cho cây trồng, khí hậu cận xích đạo.

**C.** địa hình rất đa dạng, nhiều đất badan nhất nước, mưa nhiều.

**D.** lượng mưa lớn, nhiều công trình thủy lợi, khí hậu thích hợp.

**Câu 19.** Tại sao vấn đề cần lưu ý hàng đầu trong phát triển công nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là môi trường?

**A.** Khí thải, chất thải từ các nhà máy công nghiệp.

**B.** Diện tích rừng bị thu hẹp, khai thác khoáng sản.

**C.** Sử dụng lượng nước lớn trong quá trình sản xuất.

**D.** Khai thác nhiều tài nguyên thiên nhiên, vốn lớn.

**Câu 20.** Các công trình thủy lợi ở Đông Nam Bộ mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A.** Phát triển ngành nuôi trồng thủy sản, ngành du lịch.

**B.** Tăng diện tích và hệ số sử dụng đất trồng hàng năm.

**C.** Cung cấp nước cho sinh hoạt, phát triển công nghiệp.

**D.** Hạn chế tình trạng lũ nguồn ảnh hưởng đế vùng khác.

**Câu 21.** Biện pháp quan trọng nhất để tránh mất nước của các hồ chứa ở Đông Nam Bộ là

**A.** xây dựng, mở rộng hệ thống vườn quốc gia.

**B.** phục hồi và phát triển nhanh rừng ngập mặn.

**C.** bảo vệ vốn rừng trên thượng lưu của các sông.

**D.** bảo vệ nghiêm ngặt các khu dự trữ sinh quyển.

**Câu 22.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

**A.** thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

**B.** tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.

**C.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.

**D.** tạo sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 23.** Đông Nam Bộ có sức hấp dẫn lớn với dân cư trên cả nước chủ yếu do

**A.** chất lượng cuộc sống cao, có các khu chế xuất, nhiều dầu mỏ.

**B.** ít ảnh hưởng của bão, là vùng chuyên canh lớn, đất ở còn nhiều.

**C.** kinh tế phát triển nhất cả nước, nhiều đô thị lớn, thu nhập cao.

**D.** vị trí thuận lợi, chính sách phân bố lại dân cư, chính trị ổn định.

**Câu 24.** Ý nghĩa chủ yếu của việc xây dựng thủy lợi trong phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

**A.** khai thác hiệu quả hơn tài nguyên nông nghiệp.

**B.** thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.

**C.** tăng cường chuyên môn hóa trong sản xuất.

**D.** đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp lâu năm.

**Câu 25.** Tác động tổng thể của công nghiệp dầu khí đến nền kinh tế Đông Nam Bộ được thể hiện qua

**A.** đa dạng hóa các sản phẩm công nghiệp chế biến.

**B.** tạo việc làm thu nhập cao cho người lao động.

**C.** sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa lãnh thổ.

**D.** đẩy mạnh xuất khẩu và góp phần củng cố quốc phòng.

**Câu 26.** Phát biểu nào sau đây không đúng với việc phát triển cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ?

**A.** Đang trở thành vùng sản xuất chủ yếu cà phê, hồ tiêu, điều.

**B.** Sản lượng cao su tăng lên nhờ giống và công nghệ trồng mới.

**C.** Sản lượng các cây công nghiệp tăng nhanh chủ yếu do tăng nhanh diện tích.

**D.** Cây mía và đậu tương chiếm vị trí hàng đầu trong cây công nghiệp ngắn ngày.

**Câu 27.** Việc bảo vệ môi trường có hiệu quả ở Đông Nam Bộ góp phần chủ yếu để

**A.** bảo đảm sự phát triển bền vững, môi trường sống cho dân cư.

**B.** tăng cường khai thác nguồn lợi sinh vật ở các vùng ven bờ biển.

**C.** phát triển các ngành sản xuất cần nhiều lao động và tài nguyên.

**D.** khai thác các giá trị văn hoá độc đáo của các cộng đồng dân tộc.

**Câu 28.** Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của Đông Nam Bộ chủ yếu do

**A.** công nghiệp phát triển mạnh, thu hút vốn đầu tư, trình độ lao động cao.

**B.** điều kiện tự nhiên thuận lợi, ưu thế về khoa học kĩ thuật, mức sống cao.

**C.** kinh tế phát triển nhất cả nước, quy mô dân số đông, nhiều đô thị lớn.

**D.** vị trí địa lí thuận lợi, tăng trưởng kinh tế nhanh, lao động nhập cư nhiều.

**Câu 29.** Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước thể hiện qua những nội dung nào sau đây?

**A.** Đứng đầu về diện tích đất xám phù sa cổ, hiệu quả kinh tế, cơ sở chế biến, vật chất kĩ thuật.

**B.** Đứng đầu về quy mô diện tích, sản lượng, mức độ tập trung đất đai, trình độ thâm canh.

**C.** Đứng đầu về trình độ thâm canh, diện tích gieo trồng cây công nghiệp, nguồn nước tưới tiêu.

**D.** Đứng đầu về xuất khẩu sản phẩm cây công nghiệp, tổ chức quản lí, cơ sở vật chất kỹ thuật.

**Câu 30.** Hiệu quả kinh tế - xã hội chủ yếu mà cây công nghiệp lâu năm mang lại ở vùng Đông Nam Bộ là

**A.** thu hút nguồn vốn lớn nhất cả nước, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu ở nước ta.

**B.** tạo ra các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, giải quyết việc làm, phân bố dân cư.

**C.** nâng cao thu nhập cho người dân, hình thành cơ sở chế biến có quy mô lớn.

**D.** thu hút được nhiều lao động từ các vùng khác, phân bố lao động trong vùng.

**II. DẠNG ĐÚNG/SAI**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng. Đất badan và đất xám phù sa cổ chiếm khoảng 80% tổng diện tích tự nhiên của vùng. Ngoài ra, trong vùng còn có đất phù sa ở hạ lưu các sông Đồng Nai, Vàm Cỏ,…Đông Nam Bộ có khí hậu mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt cao, ít thay đổi trong năm, phân thành hai mùa mưa, khô rõ rệt.

**a)** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Bộ thích hợp cho trồng cây công nghiệp. (Đúng)

**b)** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Bộ thuận lợi cho phát triển các sản phẩm nông nghiệp cận nhiệt. (Sai)

**c)** Đông Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm cao, biên độ nhiệt năm thấp. (Đúng)

**d)** Mùa khô kéo dài do tác động của vị trí địa lí, gió và địa hình. (Đúng)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

 Nằm trong khu vực chuyển tiếp giữa Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho quy hoạch phát triển kinh tế. Đất có hai nhóm chính là đất ba dan có diện tích khoảng 40% và đất xám phù sa cổ có diện tích khoảng 40%, thích hợp cho phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm (cao su, điều, hồ tiêu ) và cây ăn quả.

 **a)** Đông Nam Bộ là vùng có diện tích cây cao su lớn nhất cả nước. (Đúng)

 **b)** Hiện nay, Đông Nam Bộ là một trong những vùng trồng cây ăn quả lớn của cả nước. (Đúng)

 **c)** Mục đích của việc trồng cây ăn quả theo hướng tập trung với nhiều giống mới là sản xuất hàng hóa, đáp ứng thị trường, nâng cao giá trị. (Đúng)

 **d)** Khó khăn chủ yếu về mặt tự nhiên đối với sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả của Đông Nam Bộ là đất đai nghèo dinh dưỡng. (Sai)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Vùng Đông Nam Bộ có hệ thống sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ và các hồ chứa như : Dầu Tiếng, Trị An,...có giá trị phát triển thủy điện, cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. Nguồn nước nóng, nước khoáng (Bình Châu thuộc Bà Rịa - Vũng Tàu), thích hợp cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

 **a)** Đông Nam Bộ có nguồn nước cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt dồi dào, nhiều nước quanh năm. (Sai)

 **b)** Cơ sở phát triển thủy điện của Đông Nam Bộ chủ yếu dựa trên hệ thống sông Đồng Nai. (Đúng)

 **c)** Khó khăn chủ yếu về nguồn nước của Đông Nam Bộ hiện nay là tình trạng ô nhiễm. (Sai)

 **d)** Giải pháp để sử dụng hiệu quả nguồn nước cho phát triển kinh tế và đời sống là tiết kiệm nước, xử lí ô nhiễm nước, phát triển thủy lợi. (Đúng)

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

 Tuy diện tích và trữ lượng rừng của vùng Đông Nam Bộ không lớn, song có giá trị cung cấp gỗ dân dụng, nguyên liệu giấy. Hệ thống rừng của vùng có giá trị bảo tồn tài nguyên sinh vật như: Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cẩn Giờ và các vườn quốc gia Nam Cát Tiên, Bù Gia Mập, Lò Gò - Xa Mát, Côn Đảo.

 **a)** Rừng ở Đông Nam Bộ phần lớn là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ. (Đúng)

 **b)** Rừng sản xuất có vai trò chủ yếu cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến trong nước. (Sai)

 **c)** Rừng ngập mặn được trồng ven biển có vai trò chủ yếu là hạn chế tác động của gió Lào. (Sai)

 **d)** Giải pháp quan trọng để giữ mực nước ngầm và nước ở các hồ chứa của Đông Nam Bộ là bảo vệ và phát triển vốn rừng. (Đúng)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

Vùng Đông Nam Bộ cócông nghiệp phát triển với cơ cấu ngành đa dạng. Phát triển các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế về tài nguyên và lao động như: công nghiệp khai thác dầu thô và khí tự nhiên, công nghiệp thực phẩm, dệt may, giày dép…, ngoài ra, vùng còn hình thành và phát triển các ngành công nghiệp mới, sử dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn và thân thiện với môi trường như sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính, cơ khí, chế tạo ô tô, sản xuất phần mềm.

**a)** Vùng Đông Nam Bộ có nhiều ngành công nghiệp. (Đúng)

**b)** Công nghiệp của vùng chỉ chú trọng phát triển các ngành có thế mạnh về tài nguyên và lao động. (Sai)

**c)** Đông Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp. (Đúng)

**d)** Đông Nam Bộ đạt giá trị sản xuất công nghiệp cao bậc nhất nước. (Đúng)

**Câu 6.** Cho thông tin sau:

 Tài nguyên khoáng sản nổi bật và có giá trị nhất của vùng Đông Nam Bộ là dầu mỏ và khí tự nhiên ở thềm lục địa thuộc các bể trẩm tích Cửu Long, Nam Côn Sơn. Ngoài ra, trong vùng còn có bô-xít, các khoáng sản vật liệu xây dựng như sét, cao lanh, đá xây dựng và ốp lát, cát trắng,..

 **a)** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về sản lượng dầu khí. (Đúng)

 **b)** Dầu khí ở Đông Nam Bộ phân bố chủ yếu ở vùng bờ biển thuộc đất liền. (Sai)

 **c)** Tài nguyên khoáng sản rất đa dạng, phong phú là nguyên nhân chính giúp cơ cấu công nghiệp của Đông Nam Bộ đa dạng. (Sai)

 **d)** Khó khăn chủ yếu trong phát triển khai thác và chế biến khoáng sản ở Đông Nam Bộ là thiếu cơ sở năng lượng, vốn đầu tư ít. (Sai)

**Câu 7.** Cho thông tin sau:

 Đông Nam Bộ có vùng biển và thềm lục địa rộng lớn, giàu tài nguyên, gần các ngư trường lớn, có các đảo, bãi tắm và phong cảnh đẹp thuận lợi cho phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

 **a)** Các ngành kinh tế biển giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế của vùng Đông Nam Bộ. (Đúng)

 **b)** Hoạt động du lịch biển phát triển quanh năm chủ yếu do khí hậu cận xích đạo, có nhiều bãi biển đẹp, hạ tầng tốt. (Đúng)

 **c)** Phát triển các ngành kinh tế biển có ý nghĩa chủ yếu là thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, sự phân hóa lãnh thổ. (Đúng)

 **d)** Giải pháp đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là khai thác triệt để các loại tài nguyên phục vụ sản xuất. (Sai)

**Câu 8.** Cho thông tin sau:

 Số dân đông, tỉ suất nhập cư thường cao, người nhập cư đa phần trong độ tuổi lao động, tạo cho vùng Đông Nam Bộ có nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất. Lao động năng động trong nền kinh tế thị trường, tỉ lệ đã qua đào tạo cao hơn mức trung bình cả nước, tạo khả năng nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế.

 **a)** Đông Nam Bộ có mật độ dân số cao hơn mức trung bình của cả nước. (Đúng)

 **b)** Nền kinh tế phát triển mạnh nên quá trình đô thị hóa nhanh, tỉ lệ dân thành thị cao. (Đúng)

 **c)** Đặc điểm dân cư và lao động có ý nghĩa chủ yếu cho Đông Nam Bộ phát triển kinh tế đa dạng và các ngành sử dụng nhiều lao động thủ công. (Sai)

 **d)** Tỉ lệ dân nhập cư đến Đông Nam Bộ cao nhất cả nước gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. (Sai)

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

**Một số chỉ tiêu của hoạt động nội thương vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng *(Nghìn tỉ đồng)* | 616,1 | 1070,9 | 1570,1 | 1224,2 |
| Số lượng *(siêu thị)* | 170 | 212 | 290 | 287 |
| Số lượng trung tâm thương mại *(trung tâm)* | 36 | 57 | 68 | 67 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016, 2021)*

**a)** Số lượng trung tâm thương mại của Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2021 tăng liên tục. (Sai)

**b)** Số lượng siêu thị và trung tâm thương mại lớn thể hiện sự phát triển của hoạt động nội thương vùng Đông Nam Bộ. (Đúng)

**c)** Siêu thị có tốc độ tăng nhanh hơn trung tâm thương mại trong giai đoạn 2010 - 2021. (Sai)

**d)** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng lớn do sức mua trong dân cư lớn. (Đúng)

**Câu 10.** Cho thông tin sau:

 Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế ở vùng Đông Nam Bộ có chuyển dịch tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, sức cạnh tranh của các ngành kinh tế, sử dụng hợp lí các nguồn lực phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

 **a)** Tỉ trọng ngành dịch vụ tăng và hiện nay đang là ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GRDP của vùng. (Đúng)

 **b)** Vùng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, tiết kiệm năng lượng và tạo ra nhiều giá trị gia tăng. (Đúng)

 **c)** Ngoài phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, Đông Nam Bộ chú trọng xây dựng các khu công nghệ mới, công nghệ thông tin với quy mô lớn. (Đúng)

 **d)** Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GRDP của vùng do áp dụng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến vào sản xuất. (Sai)

**Câu 11.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng mía của Đông Nam Bộ và cả nước, giai đoạn 2019 - 2023**

 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** **Vùng** | **2019** | **2021** | **2023** |
| Đông Nam Bộ | 1581,9 | 842,2 | 775,0 |
| Cả nước | 15685,6 | 10740,9 | 11843,5 |

 *(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2019,2023)*

**a)** Sản lượng mía của Đông Nam Bộ có xu hướng giảm. (Đúng)

**b)** Sản lượng mía của Đông Nam Bộ luôn chiếm dưới 10% so với cả nước. (Đúng)

**c)** Tỉ trọng sản lượng mía của Đông nam Bộ giảm chủ yếu do thay đổi cơ cấu cây trồng. (Đúng)

**d)** Tốc độ tăng trưởng sản lượng mía của Đông Nam Bộ giảm do giảm năng suất. (Sai)

**Câu 12.** Cho thông tin sau:

 Cơ cấu ngành công nghiệp của Đông Nam Bộ đa dạng. Bên cạnh các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế về tài nguyên và lao động như: công nghiệp khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên, công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống; dệt may và giày dép,... Đông Nam Bộ đã hình thành các ngành công nghiệp mới, sử dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn và thân thiện với môi trường như: sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; cơ khí ô tô, sản xuất phần mềm, sản phẩm số,...

 **a)** Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng bậc nhất so với các vùng khác. (Đúng)

 **b)** Khai thác và chế biến dầu khí là ngành mũi nhọn của vùng, tạo nguồn hàng xuất khẩu lớn. (Đúng)

 **c)** Khai thác dầu khí ở Đông Nam Bộ góp phần thu hút đầu tư nước ngoài, giải quyết việc làm cho đa số lao động. (Sai)

 **d)** Giải pháp phát triển công nghiệp bền vững ở Đông Nam Bộ là ứng dụng công nghệ, phát triển sản xuất đi đôi bảo vệ môi trường. (Đúng)

**Câu 13.** Cho thông tin sau:

 Đông Nam Bộ phát triển các khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị hiện đại và các khu công nghiệp công nghệ cao. Xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin tập trung quy mô lớn, hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT) , trí tuệ nhân tạo.

 **a)** Cơ cấu ngành công nghiệp của Đông Nam Bộ chuyển dịch theo hướng tăng các ngành có hàm lượng khoa học kĩ thuật cao, giá trị gia tăng lớn. (Đúng)

 **b)** Đông Nam Bộ phát triển mạnh các ngành công nghệ cao chủ yếu do thu hút đầu tư lớn, lao động có trình độ cao, cơ sở hạ tầng tốt. (Đúng)

 **c)** Khó khăn lớn nhất trong phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ là thiếu vốn đầu tư, cơ sở năng lượng chưa đảm bảo. (Sai)

 **d)** Giải pháp đảm bảo cơ sở năng lượng cho phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ là sử dụng điện lưới quốc gia, đa dạng nguồn điện, đẩy mạnh năng lượng tái tạo. (Đúng)

**Câu 14.** Cho thông tin sau:

Khí hậu Đông Nam Bộ có nền nhiệt cao, biên độ nhiệt ít thay đổi trong năm, phân hai mùa mưa và khô rõ rệt.

**a)** Nền nhiệt cao, nóng quanh năm. (Đúng)

**b)** Đây là đặc trưng khí hậu cận xích đạo. (Đúng)

**c)** Khí hậu có sự phân mùa rõ rệt do tác động của gió mùa Đông Bắc. (Sai)

**d)** Biên độ nhiệt năm ít thay đổi chủ yếu do vị trí gần xích đạo. (Đúng)

**Câu 15.** Cho bảng số liệu:

**Số lượt hành khách và khối lượng hàng hóa vận chuyển ở**

**Đông Nam Bộ, giai đoạn 2005 - 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Số lượt hành khách vận chuyển *(triệu lượt người)* | 297,2 | 624,6 | 1079,0 | 553,6 |
| Số lượt hàng hóa vận chuyển *(triệu tấn)* | 71,0 | 135,3 | 205,0 | 286,7 |

 *(Nguồn : Tổng cục thống kê 2011, 2016, 2022)*

**a)** Số lượt hành khách và khối lượng hàng hóa vận chuyển ở Đông Nam Bộ có xu hướng tăng. (Đúng)

**b)** Số lượt hành khách vận chuyển tăng nhanh hơn khối lượng hàng hóa vận chuyển. (Sai)

**c)** Khối lượng hàng hóa vận chuyển ở Đông Nam Bộ ngày càng cao do sản xuất phát triển, mở rộng thị trường. (Đúng)

**d)** Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô số lượt hành khách và khối lượng hàng hóa vận chuyển ở Đông Nam Bộ giai đoạn 2005 - 2021. (Sai)

**Câu 16.** Cho thông tin sau:

 Công nghiệp sản xuất điện của vùng Đông Nam Bộ bao gồm nhiệt điện, thuỷ điện và điện từ năng lượng tái tạo khác. Các nhà máy nhiệt điện lớn ở Đông Nam Bộ chủ yếu được chạy bằng nhiên liệu khí, lớn nhất là tổ hợp nhiệt điện Phú Mỹ với tổng công suất thiết kế khoảng gần 4 000 MW, các nhà máy nhiệt điện Bà Rịa, Thủ Đức, Hiệp Phước, Nhơn Trạch,... được mở rộng công suất. Các nhà máy thuỷ điện được xây dựng trong vùng gồm: Trị An (công suất thiết kế 400 MW, trên sông Đồng Nai), Thác Mơ và Cần Đơn (cồng suất thiết kế là 150 MW và 77,6 MW, trên sông Bé), cung cấp nguồn điện năng đáng kể cho vùng. Các nguồn năng lượng tái tạo khác đang được chú ý phát triển, nhất là năng lượng mặt trời.

 **a)** Nguồn năng lượng chủ yếu của Đông Nam Bộ cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt là điện tái tạo. (Sai)

 **b)** Để đảm bảo năng lượng cho quá trình công nghiệp hóa nhanh, Đông Nam Bộ đẩy mạnh xây dựng các nhà máy điện và sử dụng mạng lưới điện quốc gia. (Đúng)

 **c)** Các nhà máy thủy điện phát triển trên cơ sở chủ yếu là hệ thống sông lớn, chế độ nước theo mùa. (Sai)

 **d)** Năng lượng tái tạo được đẩy mạnh phát triển nhằm mục đích cung cấp nguồn điện, đa dạng cơ cấu năng lượng, phát triển bền vững. (Đúng)

**Câu 17.** Cho thông tin sau:

 Giao thông vận tải trong vùng Đông Nam Bộ được phát triển với đẩy đủ các loại hình: đường ô tô (với các tuyến quốc lộ 1, 13, 51, 22, 14,...), các tuyến cao tốc được tăng cường và mở rộng như Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận, các tuyến cao tốc đang được xây dựng như Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Biên Hoà - Vũng Tàu,...; đường sắt (có tuyến đường sắt Thống Nhất); đường sông; đường biển (bến cảng Cát Lái, Cái Mép, Thị Vải,...) và đường hàng không (cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất có năng lực vận chuyển đứng đầu cả nước, cảng hàng không quốc tế Long Thành đang được xây dựng).

 **a)** Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông vận tải lớn nhất Đông Nam Bộ. (Đúng)

 **b)** Thuận lợi về tự nhiên trong phát triển giao thông vận tải biển ở Đông Nam Bộ là biển rộng, gần đường biển quốc tế. (Đúng)

 **c)** Giao thông đường bộ của Đông Nam Bộ phát triển hơn các vùng khác chủ yếu do các ngành kinh tế phát triển mạnh. (Đúng)

 **d)** Phát triển giao thông đường hàng không giúp Đông Nam Bộ thu hút đầu tư, đảm nhận vai trò chủ yếu trong vận chuyển hàng hóa xuất khẩu. (Sai)

**Câu 18.** Cho thông tin sau:

 Thương mại của vùng Đông Nam Bộ phát triển mạnh. Năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của vùng đứng đầu cả nước (chiếm trên 27% cả nước). Đông Nam Bộ cũng là vùng phát triển sớm và nhanh các trung tâm thương mại lớn, siêu thị, thương mại điện tử,..

 **a)** Hoạt động nội thương của Đông Nam Bộ là ngành kinh tế sớm, có tốc độ phát triển nhanh. (Đúng)

 **b)** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, có nhiều trung tâm thương mại lớn. (Đúng)

 **c)** Ngành nội thương phát triển mạnh ở Đông Nam Bộ chủ yếu do sản xuất hàng hóa phát triển, dân nông thôn là chủ yếu. (Sai)

 **d)** Hoạt động nội thương của Đông Nam Bộ phát triển và phân bố rộng rãi nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của dân cư. (Đúng)

**Câu 19.** Cho thông tin sau:

 Trị giá xuất khẩu của vùng Đông Nam Bộ chiếm khoảng 34% tổng trị giá xuất khẩu của cả nước (năm 2021). Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai là những địa phương có trị giá xuất khẩu lớn và luôn đứng ở vị trí hàng đầu trong vùng và cả nước.

 **a)** Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đóng góp lớn nhất vào giá trị ngoại thương của Đông Nam Bộ. (Đúng)

 **b)** Hoạt động ngoại thương của Đông Nam Bộ phát triển mạnh do sự tăng trường kinh tế, cơ sở hạ tầng phát triển, chính sách phù hợp. (Đúng)

 **c)** Phát triển ngoại thương mang lại ý nghĩa là thúc đẩy sản xuất, phân công lao động theo lãnh thổ, tăng trưởng kinh tế. (Đúng)

 **d)** Giải pháp để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở Đông Nam Bộ là tăng cường khai thác khoáng sản xuất khẩu với khối lượng lớn. (Sai)

**Câu 20.** Cho thông tin sau:

 Du lịch ở Đông Nam Bộ ngày càng đóng vai trò quan trọng. Năm 2020, lượng khách du lịch đến vùng đạt 34,6 triệu lượt khách; năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, lượng khách du lịch đến vùng giảm mạnh, còn khoảng 15,7 triệu lượt khách, Tuy nhiên, năm 2022 lượng khách du lịch tăng trưởng mạnh, đạt trên 23,2 triệu lượt khách, chiếm gần 23% lượng khách của cả nước.

 **a)** Đông Nam Bộ chủ yếu phát triển du lịch biển - đảo do có vùng biển rộng, nhiều bãi biển đẹp. (Sai)

 **b)** Nguyên nhân chủ yếu làm tăng chi tiêu của khách du lịch ở Đông Nam Bộ là kinh tế phát triển mạnh mẽ, đời sống và thu nhập của người dân được nâng cao. (Đúng)

 **c)** Chính sách đổi mới, sản phẩm đa dạng đã tạo sức hút lớn với du khách đến với Đông Nam Bộ trong thời gian gần đây. (Đúng)

 **d)** Ngành du lịch biển có nguy cơ bị ảnh hưởng khi Đông Nam Bộ đẩy mạnh phát triển ngành giao thông vận tải biển và khai thác dầu khí. (Đúng)

**Câu 21.** Cho thông tin sau:

Hoạt động ngoại thương của Đông Nam Bộ rất phát triển. Tổng giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của vùng năm 2021 là 236,5 tỉ USD, chiếm 35,3% tổng giá trị xuất nhập khẩu và nhập khẩu của cả nước, trong đó giá trị xuất khẩu đạt 112,6 tỉ USD và giá trị nhập khẩu là 123,9 tỉ USD. Hoạt động xuất, nhập khẩu phát triển tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Đông Nam Bộ là dầu thô, hàng nông sản và nông sản chế biến; hàng điện tử, máy tính và linh kiện; hàn dệt, may và giày dép…

**a)** Hoạt động ngoại thương của Đông Nam Bộ phát triển mạnh hàng đầu cả nước. (Đúng)

**b)** Các mặt hàng xuất nhập khẩu chưa thật phong phú nhưng cán cân thương mại luôn xuất siêu. (Sai)

**c)** Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu dưới dạng thô, sơ chế, tỉ lệ hàng gia công lớn, giá trị thấp. (Sai)

**d)** Hoạt động ngoại thương phát triển mạnh do kinh tế phát triển, mức sống người dân cao, thị trường mở rộng. (Đúng)

**Câu 22.** Cho thông tin sau:

 Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng đầu của cả nước, có mức độ tập trung hoá sản xuất và trình độ thâm canh cao. Tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm của vùng năm 2021 là hơn 800 nghìn ha (chiếm khoảng 36% diện tích trồng cây cồng nghiệp lâu năm của cả nước). Các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu của vùng là cao su, điều, hồ tiêu,...

 **a)** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên có nét tương đồng về phát triển cây công nghiệp lâu năm. (Đúng)

 **b)** Để đảm bảo cho việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Bộ vấn đề cần quan tâm hàng đầu là phát triển thủy lợi. (Đúng)

 **c)** Khó khăn lớn nhất về từ nhiên của Đông Nam Bộ trong phát triển nông nghiệp là xâm nhập mặn rộng. (Sai)

 **d)** Giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là phát triển thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh chế biến. (Đúng)

**Câu 23.** Cho thông tin sau:

Vùng Đông Nam Bộ bao gồm TP. Hồ Chí Minh và 5 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu. Vùng có diện tích 23551,5 km2, chiếm 7,1% diện tích cả nước. Dân số của Vùng năm 2022 là 18,8 triệu người, chiếm 18,9% dân số cả nước. Vùng Đông Nam Bộ có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, có lực lượng lao động dồi dào, tay nghề cao; là đầu mối giao lưu quan trọng của các tỉnh phía Nam với cả nước và quốc tế. Vùng Đông Nam Bộ có các ngành công nghiệp chủ lực dẫn đầu cả nước, như: công nghiệp dầu khí, điện tử, dệt may, da giày và chế biến lương thực, thực phẩm. Đông Nam Bộ có tốc độ đô thị hóa và tỷ lệ đô thị hóa cao nhất cả nước. Vùng còn có hệ thống cảng biển nước sâu với năng lực vận chuyển hàng hóa chiếm 62% khối lượng hàng hóa vận chuyển container qua cảng biển toàn quốc.

**a)** Đông Nam Bộ là vùng có lực lượng lao động dồi dào, tay nghề cao nhất cả nước. (Đúng)

**b)** Đông Nam Bộ có tốc độ đô thị hóa cao nhất cả nước do có diện tích tự nhiên lớn. (Sai)

**c)** Ngành công nghiệp khai thác dầu khí ở Đông Nam Bộ rất phát triển do vùng có hệ thống cảng biển nước sâu với năng lực vận chuyển hàng hóa lớn. (Sai)

**d)** Đông Nam Bộ là đầu mối giao thông lớn nên số lượt vận chuyển hành khách và hàng hóa của vùng ngày càng tăng. (Đúng)

**Câu 24.** Cho thông tin sau:

 Ngành chăn nuôi ở vùng Đông Nam Bộ phát triển khá nhanh theo hướng trang trại tập trung quy mô lớn, áp dụng các quy trình công nghệ chăn nuôi, chế biến hiện đại, giống mới cho năng suất và chất lượng cao,...

 **a)** Đông Nam Bộ là vùng nuôi nhiều trâu nhất cả nước. (Sai)

 **b)** Để nâng cao hiệu quả ngành chăn nuôi ở Đông Nam Bộ giải pháp quan trọng là sản xuất tập trung, áp dụng công nghệ, đẩy mạnh chế biến, mở rộng thị trường. (Đúng)

 **c)** Khó khăn chủ yếu đối với phát triển chăn nuôi gia súc nhỏ ở Đông Nam Bộ là nguồn thức ăn chưa đảm bảo. (Sai)

 **d)** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng hàng hóa ở Đông Nam Bộ là tạo nguồn hàng xuất khẩu chính ở nước ta. (Sai)

**Câu 25.** Cho bảng số liệu:

**Số lượng đàn bò và đàn lợn ở vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2022**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Bò** *(nghìn con)* | **Lợn** *(nghìn con)* |
| 2010 | 440,0 | 2 484,9 |
| 2015 | 375,6 | 3 364,5 |
| 2022 | 419,5 | 4 864,9 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2023)*

**a)** Giai đoạn 2010 - 2022, số lượng đàn bò của vùng Đông Nam Bộ tăng trưởng không ổn định. (Đúng)

**b)** Giai đoạn 2010 - 2022, số lượng đàn lợn của vùng Đông Nam Bộ luôn tăng. (Đúng)

**c)** Giai đoạn 2010 - 2022, số lượng đàn bò của vùng Đông Nam Bộ tăng trưởng nhanh hơn so với số lượng đàn lợn.(Sai)

**d)** Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số lượng đàn bò và đàn lợn của vùng Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2010 - 2022. (Đúng)

**Câu 26.** Cho thông tin sau:

 Lâm nghiệp có ý nghĩa kinh tế và môi trường đối với vùng Đông Nam Bộ. Rừng sản xuất cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất giấy và gỗ gia dụng, sản lượng khai thác gỗ hằng năm khoảng 250 nghìn m3. Công tác quản lí hệ thống rừng phòng hộ được tăng cường. Các loại rừng đặc dụng được chú trọng bảo tồn dưới hình thức là các vườn quốc gia và các khu dự trữ sinh quyển, vừa bảo vệ đa dạng sinh học, vừa kết hợp khai thác phát triển du lịch sinh thái.

 **a)** Lâm nghiệp là ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản của Đông Nam Bộ. (Sai)

 **b)** Rừng phòng hộ của Đông Nam Bộ được trồng chủ yếu ở thượng nguồn các sông lớn và vùng ven biển. (Đúng)

 **c)** Hoạt động trồng rừng và bảo vệ rừng được chú trọng nhằm mục đích chủ yếu là hạn chế thiên tai, nhất là bão. (Sai)

 **d)** Việc bảo vệ rừng đầu nguồn có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ nước ở các hồ chứa và giữ mực nước ngầm. (Đúng)

**Câu 27.** Cho thông tin sau:

 Thủy sản là ngành kinh tế quan trọng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của vùng Đông Nam Bộ. Trong giai đoạn 2010 - 2021, sản lượng thủy sản tăng nhanh, trong đó khai thác thủy sản chiếm ưu thế và tập trung chủ yếu ở Bà Rịa - Vũng Tàu. Vùng đang đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, đánh bắt xa bờ, định vị tàu thuyền, nâng cấp đội tàu khai thác ngoài khơi.

 **a)** Đông Nam Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển đánh bắt hải sản là có ngư trường trọng điểm. (Đúng)

 **b)** Hoạt động kinh tế biển ít có giá trị đối với vùng Đông Nam Bộ. (Sai)

 **c)** Việc chuyển đổi cơ cấu sản phẩm thủy sản nuôi trồng ở Đông Nam Bộ nhằm mang lại hiệu quả cao, đáp ứng thị trường. (Đúng)

 **d)** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ ở Đông Nam Bộ là tăng sản lượng, giải quyết việc làm, khai thác triệt để nguồn lợi. (Sai)

**Câu 28.** Cho thông tin sau:

 Xây dựng Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước, trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh cao trong khu vực.

 **a)** Đông Nam Bộ là vùng đứng hàng đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ. (Đúng)

 **b)** Nền kinh tế của Đông Nam Bộ phát triển nhất cả nước chủ yếu do dựa vào nguồn vốn đầu tư nước ngoài. (Sai)

 **c)** Đông Nam Bộ là vùng khai thác các lợi thế một cách hiệu quả nhất so với các vùng ở nước ta. (Đúng)

 **d)** Đông Nam Bộ phát triển nhanh các ngành công nghệ - kĩ thuật cao chủ yếu do chính sách hợp lí, lao động có trình độ cao, nguồn đầu tư lớn. (Đúng)

**Câu 29.** Cho thông tin sau:

 Việc bảo vệ môi trường ở Đông Nam Bộ giúp các hoạt động kinh tế, đặc biệt các ngành công nghiệp, dịch vụ (nhất là với ngành du lịch) duy trì hoạt động và mang lại hiệu quả cao. Đồng thời, tạo môi trường trong lành cho các hoạt động xã hội, nhất là trong các đô thị lớn của vùng như Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hoà,..

 **a)** Vấn đề luôn được quan tâm trong phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ là bảo vệ môi trường. (Đúng)

 **b)** Đông Nam Bộ gặp phải những thách thức lớn về môi trường hiện nay do tác động của biến đổi khí hậu. (Sai)

 **c)** Bảo vệ môi trường vùng ven biển có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là tránh làm ảnh hưởng đến ngành du lịch có nhiều tiềm năng. (Đúng)

 **d)** Giải pháp để bảo vệ môi trường ở Đông Nam Bộ là áp dụng công nghệ trong xử lí ô nhiếm, chuyển đổi sang phát triển kinh tế tuần hoàn. (Đúng)

**Câu 30.** Cho bảng số liệu:

**Tổng số dân và số dân thành thị của vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2015 - 2021**

 *(Đơn vị : Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2018** | **2020** | **2021** |
| Tổng số dân | 16 448,5 | 17 527,4 | 18 342,9 | 18 315,0 |
| *Trong đó : Số dân thành thị* | 10 279,6 | 11 018,9 | 12 172,3 | 12 165,0 |

 *(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

 **a)** Tổng số dân và số dân thành thị của Đông Nam Bộ tăng liên tục qua các năm. (Sai)

 **b)** Tỉ lệ dân thành thị luôn nhỏ hơn tỉ lệ dân nông thôn và đang tăng lên. (Sai)

 **c)** Số dân thành thị có tốc độ tăng nhanh hơn so với số dân nông thôn và tổng dân số. (Đúng)

 **d)** Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2021. (Đúng)

**Câu 31.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản của vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2010 - 2021**

 *(Đơn vị : Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Tổng sản lượng | 364,5 | 436,4 | 519,8 | 518,3 |
| - Sản lượng khai thác | 278,8 | 317,3 | 376,7 | 374,1 |
| - Sản lượng nuôi trồng | 85,7 | 119,1 | 143,1 | 144,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

 **a)** Tổng sản lượng thủy sản của vùng có xu hướng ngày càng giảm mạnh. (Sai)

 **b)** Sản lượng thủy sản khai thác luôn lớn hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng. (Đúng)

 **c)** Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nuôi trồng nhanh hơn khai thác. (Đúng)

 **d)** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chủ yếu do có diện tích nuôi trồng lớn nhất cả nước. (Sai)

**III. TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 1.** Năm 2021, sản lượng thủy sản khai thác của Đông Nam Bộ là 374,1 nghìn tấn, sản lượng nuôi trồng là 144,2 nghìn tấn. Hỏi sản lượng khai thác bằng bao nhiêu % so với sản lượng nuôi trồng? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (374,1 : 144,2) x 100 ≈ 259**

**Câu 2.** Sản lượng thủy sản vùng Đông Nam Bộ năm 2023 là 524921 tấn, trong đó sản lượng thủy sản khai thác là 367711 tấn. Hỏi tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác trong sản lượng thủy sản của Đông Nam Bộ năm 2023 là bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (367711 : 524921) x 100 ≈ 70,1**

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Tổng số dân và số dân thành thị vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2021**

 *(Đơn vị : Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2018** | **2020** | **2021** |
| Tổng số dân | 16 448,5 | 17 527,4 | 18 342,9 | 18 315,0 |
| *Trong đó : Số dân thành thị* | 10 279,6 | 11 018,9 | 12 172,3 | 12 165,0 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

 Cho biết tỉ trọng dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2021 tăng lên bao nhiêu % so với năm 2015? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)*

**Trả lời**

- Tỉ trọng dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2015 là: (10279,6 : 16448,5) x 100 = 62,49567 %.

- Tỉ trọng dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2021 là: (12165,0 : 18315,0) x 100 = 66,42097 %.

**Đáp án: 66,42097 - 62,49567 ≈ 3,9**

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình tháng tại thành phố Hồ Chí Minh**

 *(Đơn vị: ºC)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nhiệt độ | 25,8 | 26,7 | 27,9 | 28,9 | 28,3 | 27,5 | 27,1 | 27,1 | 26,8 | 26,7 | 26,4 | 25,7 |

Tính nhiệt độ trung bình năm của Thành phố Hồ Chí Minh. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của 0C)*

**Trả lời**

**Đáp án: (25,8 + 26,7 + 27,9 + 28,9 + 28,3 + 27,5 + 27,1 + 27,1 + 26,8 + 26,7 + 26,4 + 25,7) : 12 = 27,1**

**Câu 5.** Năm 2021, vùng Đông Nam Bộ có dân số là 18 300 000 người và diện tích là 23 600 km2. Hỏi mật độ dân số của vùng Đông Nam Bộ năm 2021 là bao nhiêu người/km2?

**Trả lời**

**Đáp án: 18300000 : 23600 ≈ 775**

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Tổng số dân và số dân thành thị vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2021**

 *(Đơn vị : Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2018** | **2020** | **2021** |
| Tổng số dân | 16 448,5 | 17 527,4 | 18 342,9 | 18 315,0 |
| *Trong đó : Số dân thành thị* | 10 279,6 | 11 018,9 | 12 172,3 | 12 165,0 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

 Cho biết tỉ trọng dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2021 cao hơn bao nhiêu % so với tỉ trọng dân nông thôn? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)*

**Trả lời**

- Tỉ trọng dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2021 là: (12165,0 : 18315,0) x 100 = 66,42097 %.

- Tỉ trọng dân nông thôn của Đông Nam Bộ năm 2021 là: 100 - 66,42097 = 33,57903 %.

**Đáp án: 66,42097 - 33,57903 ≈ 32,8**

**Câu 7.** Năm 2021, vùng Đông Nam Bộ có số dân 18,3 triệu người, với GRDP của vùng đạt 2587,6 nghìn tỉ đồng. Cho biết thu nhập GRDP bình quân đầu người của vùng Đông Nam Bộ là bao nhiêu triệu đồng/người? *(làm tròn số đến hàng đơn vị của triệu đồng/người)*

**Trả lời**

**Đáp án: 2587600000 : 18300000 ≈ 141**

**Câu 8.** Cho bảng số liệu:

**Tổng số dân và số dân thành thị vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2021**

 *(Đơn vị : Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2018** | **2020** | **2021** |
| Tổng số dân | 16 448,5 | 17 527,4 | 18 342,9 | 18 315,0 |
| *Trong đó : Số dân thành thị* | 10 279,6 | 11 018,9 | 12 172,3 | 12 165,0 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

 Cho biết tốc độ tăng trưởng số dân thành thị năm 2021 so với năm 2015 cao hơn bao nhiêu % so với tốc độ tăng trưởng dân số nông thôn của Đông Nam Bộ (coi năm 2015 = 100%)? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)*

**Trả lời**

- Số dân nông thôn của Đông Nam Bộ năm 2015 là: 16448,5 - 10279,6 = 6168,9 nghìn người.

- Số dân nông thôn của Đông Nam Bộ năm 2021 là: 18315,0 - 12165,0 = 6150 nghìn người.

- Tốc độ tăng trưởng số dân nông thôn năm 2021 so với năm 2015 là: (6150 : 6168,9) x 100 = 99,69362 %.

- Tốc độ tăng trưởng số dân thành thị năm 2021 so với năm 2015 là: (12165,0 : 10279,6) x 100 = 118,3412 %.

**Đáp án: 118,3412 - 99,69362 ≈ 18,6**

**Câu 9.** Năm 2021, tổng GDP của nước ta là 366,1 tỉ USD, trong đó vùng Đông Nam Bộ chiếm 30% GDP của nước ta. Tính quy mô GDP của vùng Đông Nam Bộ năm 2021. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)*

**Trả lời**

**Đáp án: (30 x 366,1) : 100 ≈ 110**

**Câu 10.** Năm 2023, dân số của Đông Nam Bộ là 19018,8 nghìn người và dân số cả nước là 100309,2 nghìn người. Tính tỉ trọng dân số của Đông Nam Bộ so với cả nước. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (19018,8 : 100309,2) x 100 ≈ 19**

**Câu 11.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình tháng tại thành phố Hồ Chí Minh**

 *(Đơn vị: ºC)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nhiệt độ | 25,8 | 26,7 | 27,9 | 28,9 | 28,3 | 27,5 | 27,1 | 27,1 | 26,8 | 26,7 | 26,4 | 25,7 |

Tính biên độ nhiệt độ trung bình năm của Thành phố Hồ Chí Minh. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của 0C)*

**Trả lời**

**Đáp án: 28,9 - 25,7 = 3,2**

**Câu 12.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản của vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

 *(Đơn vị : Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Tổng sản lượng | 364,5 | 436,4 | 519,8 | 518,3 |
| - Sản lượng khai thác | 278,8 | 317,3 | 376,7 | 374,1 |
| - Sản lượng nuôi trồng | 85,7 | 119,1 | 143,1 | 144,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

 Cho biết sản lượng thủy sản khai thác trong giai đoạn 2010 - 2021 tăng thêm nhiều hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng thêm là bao nhiêu nghìn tấn? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của nghìn tấn)*

**Trả lời**

- Sản lượng thủy sản khai thác tăng thêm trong giai đoạn 2010 - 2021 là: 374,1 - 278,8 = 95,3 nghìn tấn.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng thêm trong giai đoạn 2010 - 2021 là: 144,2 - 85,7 = 58,5 nghìn tấn.

**Đáp án: 95,3 - 58,5 = 36,8**

**Câu 13.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Cây công nghiệp lâu năm | 792,7 | 808,0 | 804,3 |
| *- Cao su* | 441,4 | 546,0 | 547,6 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2011, 2022)*

Tính tỉ trọng diện tích cây cao su so với tổng diện tích cây công nghiệp của Đông Nam Bộ năm 2021 *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Đáp án: 68**

**Câu 14.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích cây công nghiệp lâu năm vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Cây công nghiệp lâu năm | 792,7 | 808,0 | 804,3 |
| *- Điều* | 225,7 | 187,4 | 192,6 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2011, 2022)*

Tính tỉ trọng diện tích cây điều so với tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm của Đông Nam Bộ năm 2021 *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (192,6 : 804,3) x 100 ≈ 23,9**

**Câu 15.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản của vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

 *(Đơn vị : Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Tổng sản lượng | 364,5 | 436,4 | 519,8 | 518,3 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

 Cho biết sản lượng thủy sản của Đông Nam Bộ năm 2021 tăng lên thêm bao nhiêu % so với năm 2010? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (518,3 - 364,5) : 364,5 x 100 ≈ 42,2**

**Câu 16.** Số lượng lao động có việc làm của vùng Đông Nam Bộ năm 2018 và 2022 lần lượt là 9416,0 nghìn người và 9888,7 nghìn người. Tính tốc độ tăng trưởng số lao động có việc làm của vùng năm 2022 so với năm 2018 (coi năm 2018 = 100%) *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (9888,7 : 9416,0) x 100 ≈ 105**

**Câu 17.** Diện tích cây cao su ở vùng Đông Nam Bộ năm 2010 là 441,4 nghìn ha, năm 2021 là 547,6 nghìn ha. Tính tốc độ tăng trưởng diện tích cây cao su của vùng Đông Nam Bộ năm 2021 so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%) *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (547,6 : 441,4) x 100 ≈ 124**

**Câu 18.** Năm 2021 số dân của Đông Nam Bộ là 18 315 nghìn người, số dân nông thôn là 6 150 nghìn người. Cho biết số dân nông thôn của Đông Nam Bộ năm 2021 ít hơn số dân thành thị bao nhiêu nghìn người?

**Trả lời**

- Số dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2021 là: 18315 - 6150 = 12165 nghìn người.

**Đáp án: 12165 - 6150 =** **6015**

**Câu 19.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản của vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

 *(Đơn vị : Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Khai thác | 278,8 | 317,3 | 376,7 | 374,1 |
| Nuôi trồng | 85,7 | 119,1 | 143,1 | 144,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

 Cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2021 so với năm 2010 của Đông Nam Bộ cao hơn bao nhiêu % so với tốc độ tăng trưởng của sản lượng thủy sản khai thác? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)*

**Trả lời**

- Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nuôi trồng của Đông Nam Bộ năm 2021 so với năm 2010 là: (144,2 : 85,7) x 100 = 168,2614 %.

- Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác của Đông Nam Bộ năm 2021 so với năm 2010 là: (374,1 : 278,8) x 100 = 134,182209 %.

**Đáp án: 168,2614 - 134,182209 ≈ 34,1**

**Câu 20.** Năm 2021,Đông Nam Bộ có diện tích khoảng 23,6 nghìn km2, mật độ dân số khoảng 778 người/km2. Vậy quy mô dân số của Đông Nam Bộ năm 2021 là khoảng bao nhiêu triệu người? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người)*

**Trả lời**

**Đáp án: 778 x 23600 = 18360800 người ≈ 18,4 triệu người**

**Câu 21.** Năm 2021, sản lượng thủy sản khai thác của vùng Đông Nam Bộ là 374,1 nghìn tấn, sản lượng thủy sản nuôi trồng là 144,2 nghìn tấn. Cho biết sản lượng thủy sản khai thác chiếm bao nhiêu % trong cơ cấu sản lượng thủy sản của vùng Đông Nam Bộ, năm 2021? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (374,1 : 518,3) x 100 ≈ 72,2**

**Câu 22.** Tính đến năm 2022, số dân ở vùng Đông Nam Bộ là 18 810,8 nghìn người, trong đó dân số nông thôn là 6 312,6 nghìn người. Cho biết tỉ lệ dân số thành thị ở Đông Nam Bộ so với toàn vùng là bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

- Số dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2022 là: 18810,8 - 6312,6 = 12498,2 nghìn người.

**Đáp án: (12498,2 : 18810,8) x 100 ≈ 66,4**